TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hằng

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 8 năm 2025 và ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trình Văn T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 22/8/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã L (nay là phường L, thành phố Cần Thơ), chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cải từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng thật sự không còn tình cảm nên không thể tiếp tục

cuộc sống vợ chồng được nữa nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1, các bên đã không còn sống chung từ năm 2025 cho đến nay.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Trình Vũ K, giới tính nam, sinh ngày 19/02/2011 và Trình Thị Ngọc D, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2021, hiện con chung Vũ K có nguyện vọng sống chung với bà T, còn Ngọc D đang sống chung với ông T1. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có.

Về điều kiện nuôi con, bà T trình bày, hiện tại bà T đang làm việc trong Công ty ở Bình Dương, không có nhà riêng mà đang ở trọ. Thu nhập từ tiền lương khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trình Văn T1 trình bày: Ông T1 thống nhất ly hôn với bà T, về con chung thống nhất để Vũ K cho bà T nuôi dưỡng, ông Thương yêu C được nuôi dưỡng Ngọc D vì Ngọc D từ lúc nhỏ đã sống chung với gia đình ông T1. Ông T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con, ông T1 trình bày, hiện tại ông T1 đang làm xây dựng, phục vụ công trình gần nhà, không có nhà riêng nhưng sống chung với cha mẹ ruột ở địa phương. Thu nhập từ tiền công là 700.000 đồng/ngày.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T. Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 được ly hôn. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trình Vũ K, giới tính nam, sinh ngày 19/02/2011. Ông Trình Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trình Thị Ngọc D, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2021. Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L (nay thuộc phường L) nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 22/8/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã L (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống ông bà hạnh phúc và nhưng dần về sau xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà T cương quyết ly hôn với ông T1. Ông T1 cũng thống nhất ly hôn với bà T. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông bà là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Trình Vũ K, giới tính nam, sinh ngày 19/02/2011 và Trình Thị Ngọc D, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2021.

[2.2.1] Đối với Vũ K hiện đang sống chung với bà T, ông T1 thống nhất để bà T tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của T2 Vũ Kha muốn sống chung với bà T. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Trình Vũ Kha cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.2.2] Đối với Trình Thị Ngọc D, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2021, bà T và ông T1 đều yêu cầu nuôi. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về điều kiện thu nhập: Hiện nay, bà T và ông T1 đều có thu nhập ổn định. Cụ thể, bà T hiện nay đang làm việc tại Công ty ở Bình Dương. Đối với ông T1 thì làm lĩnh vực xây dựng, phục vụ công trình. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xét về thu nhập thì bà T và ông T1 có mức thu nhập tương đương nhau.

Xét về điều kiện chỗ ở: Bà T và ông T1 đều có ý kiến thống nhất ông bà đều chưa có nhà riêng, đối với bà T thì khi đi làm ở Bình Dương thì thuê nhà trọ để ở, ông T1 thì sống chung với cha mẹ ruột. Tuy nhiên, gia đình ông T1 đã trực tiếp chăm sóc Ngọc D từ khi dưới 01 tuổi cho đến nay, điều này cũng được bà T thừa nhận. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì gia đình ông T1 ở gần trường học, Ngọc D đã đi học Trường M. Khi sống với gia đình ông T1 thì Ngọc D vẫn phát triển tốt, trên địa bàn ấp nơi Ngọc D đang ở, chưa nhận được phản ánh nào liên quan đến việc bạo hành, đánh đập hay ngược đãi hoặc hành vi ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngọc D. Điều này cũng được bà T thừa nhận Ngọc D khi sống chung với gia đình ông T1 vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Ngọc D cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T, ông T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T, ông T1 có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trình Vũ K, giới tính nam, sinh ngày 19/02/2011. Ông Trình Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trình Thị Ngọc D, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2021.

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008210 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Cần Thơ). Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp xong án phí.

[7] Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trình Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/9/2025).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 12- Cần Thơ;
- UBND phường Long Phú 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thanh Quyền